

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **182/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/9/2019

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Diễn**

Bà **Nguyễn Thị Nhạn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Kim Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà **Điểu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 612/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 160, tổ 21, xóm 3, ấp Thái Hòa, xã H, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 26/35, khu phố 5, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

Tạm trú: Khu phố 13, phường H, thành phố B, tỉnh Đ

(Ông H, bà V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị V đăng ký kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 24/10/2018, vợ chồng chung sống với nhau được 02 (hai) tháng thì bắt đầu xảy ra những mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, từ ngày 14/12/2018 thì bà V tự

ý bỏ nhà ra ở riêng, ông và bà V đã cố hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn quan tâm nhau, việc ai nấy làm, không còn tình cảm với nhau nữa nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông H có yêu thương nhau, có tìm hiểu nhau trước khi cưới, sau đó có tiến hành đăng ký kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn bà và ông H về sống với các chị chồng (chị ông H). Thời gian chung sống khoảng 2 tháng đến tháng 2 năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị chồng (chị ông H) sống chung không hòa hợp, mặc khác ông H không có lập trường, không quan tâm bà V mà nghe lời chị chồng, sống lệ thuộc và chi tiêu sinh hoạt do chị chồng quyết định. Đến cuối tháng 2 năm 2019 thì bà bỏ ra nhà trọ sinh sống với người con nuôi của bà V, còn ông H không quan tâm gì đến bà V, không chăm lo gì cho cuộc sống của bà V, cuộc sống vợ chồng. Mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, hiện bà V và ông H đã sống ly thân.

Nay ông H khởi kiện xin ly hôn thì bà V không đồng ý ly hôn vì bà V là người theo đạo thiên chúa không cho phép bà ly hôn.

Trong thời kỳ hôn nhân thì bà V và ông H không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung và bà cũng không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến gì cả. Trong trường hợp ông H vẫn cương quyết ly hôn với bà và Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà cũng không có ý kiến gì khác. Bà đề nghị được vắng mặt suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H, ông H được ly hôn với bà Nguyễn Thị V; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn H và bị đơn bà Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà V.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Các bên đương sự đều thừa nhận có đăng ký kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 24/10/2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hiện ông bà đã sống ly thân, cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều thống nhất không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền

300.000 (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004450 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Diễn

Nguyễn Thị Nhạn

Trần Thị Cẩm

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- UBND phường Hồ Nai 1;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Cẩm